

Số: 5606313

|                                                | Mazda CX-30 2.0L Luxury                      | KIA CARENS CLAVIS 1.5 LUXURY                          |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>699.000.000đ</b>                          | <b>679.000.000đ</b>                                   |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                              |                                                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4395 x 1795 x 1540                           | 4,550 x 1,800 x 1,700                                 |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2655                                         | 2,780                                                 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                                         | 5.3                                                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 175                                          | 180                                                   |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1441                                         | -                                                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1936                                         | -                                                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 430                                          | 216 - 1,973                                           |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51                                           | 45                                                    |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                            | 7                                                     |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    | -                                                     |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                              |                                                       |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 2.0L                              | Xăng 1.5L                                             |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1998                                         | 1,497 cc                                              |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 153 / 6000                                   | 113 @ 6,300                                           |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 200 / 4000                                   | 144 @ 4,500                                           |
| Hộp số                                         | 6AT                                          | CVT                                                   |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)                                       |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                           |                                                       |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   | Thanh xoắn                                            |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          | Đĩa 16 inch                                           |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          | Đĩa 14 inch                                           |
| Thông số lốp xe                                | 215/55 R18                                   | 215/55 R17                                            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10.53                                        | -                                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.63                                         | -                                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.07                                         | -                                                     |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                            | -                                                     |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 |                                                       |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus | Cần số bọc da, Hàng ghế 2 gập 6:4, Hàng ghế 3 gập 5:5 |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                              |                                                       |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          | LED                                                   |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                            | ●                                                     |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                            | ●                                                     |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            | -                                                     |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                            | ●                                                     |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                          | LED                                                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                            | ●                                                     |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                            | ●                                                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                              |                                                       |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                            | ●                                                     |
| Chất liệu ghế                                  | Da                                           | Da                                                    |

|                                    |                  |           |
|------------------------------------|------------------|-----------|
| Ghế người lái chỉnh điện           | ●                | -         |
| Ghế người lái có nhớ vị trí        | ●                | -         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●                | 4 hướng   |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                | ●         |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Analog & Digital | 4.2 inch  |
| Màn hình HUD                       | ●                | -         |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 8.8              | 12.3 inch |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                | Không dây |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                | ●         |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2                | 1 vùng    |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●                | ●         |
| Chìa khóa thông minh               | ●                | ●         |
| Khởi động nút bấm                  | ●                | ●         |
| Hệ thống âm thanh                  | 8 loa            | 6 loa     |
| Lấy chuyển số                      | ●                | -         |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                | ●         |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                | ●         |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                | ●         |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |                |           |
|--------------------------------------------|----------------|-----------|
| Số túi khí                                 | 7              | 6         |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●              | ●         |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●              | ●         |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●              | ●         |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●              | ●         |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●              | ●         |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●              | ●         |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●              | ●         |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●              | ●         |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●              | ●         |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau            | Trước/sau |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | Cruise control | -         |
| Camera lùi                                 | ●              | ●         |